



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính riêng cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Tập đoàn**

**Quyết định Thành lập số** 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0100100008

ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 6 tháng 10 năm 2021. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Tiến Trường  
Ông Trần Quang Nghị  
Ông Cao Hữu Hiếu  
Ông Đặng Vũ Hùng  
Ông Vũ Hồng Tuấn  
Ông Nguyễn Xuân Đông

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Ủy viên (từ ngày 31/05/2023)  
Ủy viên  
Ủy viên  
Ủy viên

**Cơ quan Tổng Giám đốc**

Ông Cao Hữu Hiếu  
Ông Nguyễn Song Hải  
Ông Lê Trung Hải  
Ông Phạm Văn Tân  
Ông Lê Mạc Thuấn  
Ông Nguyễn Đức Trị  
Ông Phạm Xuân Trình

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc điều hành

**Ban Kiểm soát**

Bà Trần Thị Thu Hằng  
Bà Đoàn Thị Thu Hương  
Bà Đặng Thị Hồng Lê  
Bà Đào Thị Minh Hòa  
Bà Nguyễn Lê Trà My

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (từ ngày 31/05/2023)  
Thành viên (đến ngày 31/05/2023)

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài  
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 62 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Cao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited  
46th Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

### Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 62.

#### Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.







## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh – số liệu so sánh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 40 của báo cáo tài chính riêng trong đó mô tả việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước được công bố trong Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam ngày 25 tháng 1 năm 2024. Ảnh hưởng của một số điều chỉnh này đối với báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng được mô tả trong Thuyết minh 40. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề này.

## Vấn đề khác

Chúng tôi không kiểm toán báo cáo tài chính riêng được điều chỉnh lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sau khi đã điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước như được mô tả trong Thuyết minh 40, do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay sự đảm bảo nào đối với báo cáo tài chính riêng được điều chỉnh lại đó.

## Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00188-24-1



Trần Anh Quân  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0306-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 29-03-2024

Trương Tuyết Mai  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 2594-2024-007-1



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>2.269.780.989.761</b>	<b>2.373.787.438.032</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>97.426.193.157</b>	<b>143.092.970.042</b>
Tiền	111		83.426.193.157	143.092.970.042
Các khoản tương đương tiền	112		14.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.117.900.000.000</b>	<b>1.007.578.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.117.900.000.000	1.007.578.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>778.631.675.896</b>	<b>913.701.443.226</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6(a)	365.740.904.829	342.782.158.090
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	30.393.025.882	41.393.569.422
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8(a)	119.637.964.603	97.258.709.733
Phải thu ngắn hạn khác	136	9(a)	262.859.780.582	432.965.067.881
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(698.061.900)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>259.051.367.225</b>	<b>291.560.779.646</b>
Hàng tồn kho	141		285.795.004.290	346.657.334.012
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(26.743.637.065)	(55.096.554.366)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.771.753.483</b>	<b>17.854.245.118</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.481.285.051	2.650.034.680
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.980.839.283	14.999.249.792
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16(a)	2.309.629.149	204.960.646

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>5.749.096.845.268</b>	<b>6.169.213.557.860</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.791.695.774.317</b>	<b>2.019.143.246.695</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6(b)	61.843.907.911	61.843.907.911
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8(b)	1.338.857.792.967	1.485.934.020.078
Phải thu dài hạn khác	216	9(b)	390.994.073.439	471.365.318.706
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>755.751.424.697</b>	<b>855.157.298.691</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	699.603.530.456	797.363.441.490
Nguyên giá	222		1.659.862.020.373	1.657.691.236.575
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(960.258.489.917)	(860.327.795.085)
Tài sản cố định vô hình	227	12	56.147.894.241	57.793.857.201
Nguyên giá	228		81.905.473.511	81.790.248.511
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(25.757.579.270)	(23.996.391.310)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>274.187.600.718</b>	<b>199.397.851.883</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	274.187.600.718	199.397.851.883
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>2.889.510.606.306</b>	<b>3.050.079.526.099</b>
Đầu tư vào công ty con	251		2.191.080.629.010	2.142.081.329.010
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.038.269.855.779	1.047.077.855.779
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		39.789.498.900	39.789.498.900
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(379.629.377.383)	(178.869.157.590)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>37.951.439.230</b>	<b>45.435.634.492</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	37.951.439.230	45.435.634.492
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>8.018.877.835.029</b>	<b>8.543.000.995.892</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

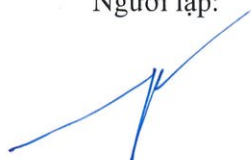
**Mẫu B 01 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.230.098.283.649</b>	<b>2.568.230.693.927</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>689.327.792.367</b>	<b>934.401.924.953</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	142.529.528.219	164.112.315.371
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.605.645.255	3.781.604.792
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16(b)	10.833.347.921	13.504.927.625
Phải trả người lao động	314		11.980.245.252	36.950.074.268
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17(a)	6.361.467.810	7.637.812.557
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	26.002.155.584	60.641.507.853
Vay ngắn hạn	320	19(a)	455.704.440.681	612.338.352.299
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	34.310.961.645	35.435.330.188
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.540.770.491.282</b>	<b>1.633.828.768.974</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	17(b)	9.761.834.880	10.226.684.160
Phải trả dài hạn khác	337		1.486.850.151	655.092.752
Vay dài hạn	338	19(b)	1.529.521.806.251	1.622.946.992.062
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>5.788.779.551.380</b>	<b>5.974.770.301.965</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>5.768.606.661.478</b>	<b>5.952.555.785.043</b>
Vốn cổ phần	411	22	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		195.151.884.031	379.101.007.596
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		69.601.007.596	119.372.945.604
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		125.550.876.435	259.728.061.992
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	24	543.092.845.095	543.092.845.095
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>20.172.889.902</b>	<b>22.214.516.922</b>
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	25	20.172.889.902	22.214.516.922
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>8.018.877.835.029</b>	<b>8.543.000.995.892</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Thị Nga  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:




Cao Hữu Hiếu  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>133.730.073.360</b>	<b>260.136.821.388</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		104.470.093.383	109.567.152.042
Các khoản dự phòng	03		171.709.240.592	19.919.795.211
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.003.994.542	36.559.356.246
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(565.257.169.993)	(515.495.254.576)
Chi phí lãi vay	06		130.496.514.505	65.015.336.595
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(10.847.253.611)</b>	<b>(24.296.793.094)</b>
Biến động các khoản phải thu	09		163.978.876.123	(46.971.497.562)
Biến động hàng tồn kho	10		60.862.329.722	(227.195.290.188)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(91.301.537.160)	(74.899.377.691)
Biến động chi phí trả trước	12		1.181.441.789	75.273.577
			<b>123.873.856.863</b>	<b>(373.287.684.958)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(129.070.508.946)	(57.067.317.225)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.179.196.925)	(408.759.396)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.624.368.543)	(15.811.990.857)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(24.000.217.551)</b>	<b>(446.575.752.436)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(73.335.237.203)	(62.605.198.437)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		48.145.454.546	33.299.018.507
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(1.138.116.258.668)	(1.201.228.357.937)
Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn	24		1.129.063.870.247	1.386.585.832.057
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(50.334.300.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		22.720.320.000	60.626.096.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		582.834.812.179	471.462.902.158
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>520.978.661.101</b>	<b>688.140.292.348</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		1.196.705.644.647	1.510.074.730.671
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.441.617.557.788)	(1.355.546.763.149)
Tiền trả cổ tức	36		(299.938.330.400)	(349.935.731.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(544.850.243.541)</b>	<b>(195.407.763.478)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(47.871.799.991)</b>	<b>46.156.776.434</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>143.092.970.042</b>	<b>95.919.885.830</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>2.205.023.106</b>	<b>1.016.307.778</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>97.426.193.157</b>	<b>143.092.970.042</b>

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Thị Nga  
 Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

#### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, giày tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;



## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

#### (c) **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.



## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 34 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 31 công ty liên kết (1/1/2023: 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 32 công ty liên kết), được trình bày tại Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 638 nhân viên (1/1/2023: 652 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
  - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
  - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
  - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

**(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt may Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 10 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn Dệt May Việt Nam không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng từ 10 đến 40 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí khác**

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Dự phòng**

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

C.T.P.  
Y  
ĐU HẠ  
G  
T.P.V.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(o) Doanh thu hoạt động tài chính**

**(i) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê không phải thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(q) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**(s) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm trước.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	5.565.435.062	1.901.829.303
Tiền gửi ngân hàng (*)	77.755.063.885	140.987.674.342
Tiền đang chuyển	105.694.210	203.466.397
Các khoản tương đương tiền (**)	14.000.000.000	-
	97.426.193.157	143.092.970.042

(\*) Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 7.562 triệu VND (1/1/2023: 7.562 triệu VND) tương ứng với phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN (Thuyết minh 16(b)).

(\*\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất 2,3%/năm (1/1/2023: Không).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn</b>				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.117.900.000.000	1.130.876.570.138	1.007.578.000.000	1.015.796.338.130

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm trong khoảng từ 3,6% đến 8,5%/năm (1/1/2023: từ 3,9% đến 8,2%/năm).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 1 tháng 1 năm 2023 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 1 tháng 1 năm 2023.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2023: 110.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 19(b)).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

			31/12/2023		Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	1/1/2023		Giá trị hợp lý VND
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND				Giá gốc VND	Dự phòng VND	
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>										
▪ <b>Công ty con</b>										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(138.230.486.777)	(*)	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(88.249.529.864)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	61,87%	61,87%	189.153.465.950	-	(*)	61,87%	61,87%	189.153.465.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	(14.864.483.416)	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	115.191.925.340	(8.046.090.430)	(*)	100,00%	100,00%	115.191.925.340	(8.821.178.631)	(*)
• Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(22.888.261.231)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(24.852.076.451)	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (**)	60,73%	60,73%	122.656.621.350	-	(*)	53,85%	53,85%	73.657.321.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	60,86%	60,86%	172.033.729.000	-	(*)	60,86%	60,86%	172.033.729.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	100,00%	100,00%	500.000.000.000	(150.516.974.066)	(*)	100,00%	100,00%	500.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(8.896.017.608)	(*)	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(17.733.824.111)	(*)
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52,00%	52,00%	33.800.000.000	(7.368.064.412)	(*)	52,00%	52,00%	33.800.000.000	-	(*)
			2.191.080.629.010	(376.842.877.940)				2.142.081.329.010	(165.689.109.057)	
▪ <b>Công ty liên kết</b>										
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	26,37%	26,37%	64.157.524.344	-	(*)	26,37%	26,37%	64.157.524.344	-	(*)
• Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	35,21%	35,21%	48.705.037.797	-	(*)	35,21%	35,21%	48.705.037.797	-	(*)
• Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)
• Tổng Công ty May 10 – CTCP	33,82%	33,82%	97.190.682.268	-	(*)	33,82%	33,82%	97.190.682.268	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)
• Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác (***)			296.528.065.540	(2.786.499.443)	(*)			305.336.065.540	-	(*)
			1.038.269.855.779	(2.786.499.443)				1.047.077.855.779	-	
▪ <b>Đơn vị khác</b>										
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	1,83%	1,83%	19.450.204.510	-	(*)	1,97%	1,97%	19.450.204.510	(13.180.048.533)	(*)
• Các khoản đầu tư khác			20.339.294.390	-	(*)			20.339.294.390	-	(*)
			39.789.498.900	-				39.789.498.900	(13.180.048.533)	
			3.269.139.983.689	(379.629.377.383)				3.228.948.683.689	(178.869.157.590)	

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 13 công ty con cấp 1 và 17 công ty liên kết cấp 1 (1/1/2023: có 13 công ty con cấp 1 và 18 công ty liên kết cấp 1). Các công ty con và công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

- (\*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (\*\*) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã mua cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài, qua đó làm tăng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại công ty này từ 53,85% lên 60,73%.
- (\*\*\*) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thoái toàn bộ vốn ở một công ty liên kết là Công Ty Cổ phần Vinatex OJ và ghi nhận lãi từ thanh lý khoản đầu tư này là 12.577 triệu VND trong tài khoản doanh thu hoạt động tài chính (Thuyết minh 29).

## 6. Phải thu của khách hàng

### (a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Phải thu của khách hàng là các công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8/3	123.195.405.597	123.646.836.351
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	9.174.142.931	-
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	7.172.891.034	13.416.762.773
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	8.537.782.446	11.537.749.405
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	4.175.280.264	4.069.764.542
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	3.355.724.240	2.852.646.390
▪ Các công ty con khác	27.000.000	371.320.200
<b>Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết</b>		
▪ Các công ty liên kết	400.216.163	616.527.251
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hưng Tiến Phát	90.018.736.000	41.401.664.297
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Hoàng	71.663.650.506	95.479.733.096
▪ Công ty TNHH Công nghệ cao Rui Peng Fei Việt Nam	15.000.000.000	-
▪ Xiamen Haixia Investment Co., Ltd	14.452.882.611	3.938.892.979
▪ Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam	11.998.898.862	-
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	12.755.431.260
▪ Xiamen Naseem Trade Co., Ltd	-	8.088.262.552
▪ Ilshin Spinning Co., Ltd	-	6.385.606.790
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	-	6.008.795.720
▪ Các khách hàng khác	6.568.294.175	12.212.164.484
	<b>365.740.904.829</b>	<b>342.782.158.090</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản phải thu từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**(b) Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng là công ty con</b>		
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	61.843.907.911	61.843.907.911

Khoản phải thu khách hàng từ công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo kế hoạch trả nợ đã được thống nhất giữa hai bên.

**7. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Trả trước cho người bán là các công ty con</b>		
▪ Các công ty con khác	-	7.337.600
<b>Trả trước cho người bán là các công ty liên kết</b>		
▪ Các công ty liên kết	2.893.460.151	2.874.962.614
<b>Trả trước cho người bán là bên khác</b>		
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành	15.563.007.609	17.143.085.156
▪ Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp	6.444.160.938	6.444.160.938
▪ Công ty TNHH Thiên Việt Kỹ Thuật	-	3.158.718.750
▪ Các nhà cung cấp khác	5.492.397.184	11.765.304.364
	<b>30.393.025.882</b>	<b>41.393.569.422</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu về cho vay các công ty con</b>		
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	23.200.000.000	23.200.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (ii)	14.250.503.698	12.560.410.260
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	5.822.075.008	5.131.583.549
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (ii)	5.732.566.673	5.052.690.791
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (ii)	3.605.882.597	3.178.229.141
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (ii)	2.178.114.550	1.919.792.595
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8/3 (ii)	2.036.260.723	1.794.762.547
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 1 (ii)	1.613.172.746	1.421.852.242
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương (iii)	6.400.000.000	3.200.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 2 (iv)	11.400.000.000	1.000.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (v)	43.399.388.608	21.799.388.608
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	-	17.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	119.637.964.603	97.258.709.733
	<hr/>	<hr/>





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu về cho vay dài hạn**

	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Phải thu về cho vay các công ty con</b>			
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	2025	23.200.000.000	46.400.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (ii)	2035	509.186.881.533	508.647.385.403
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	2035	208.029.438.124	207.809.025.661
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (ii)	2035	204.831.198.831	204.614.175.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (ii)	2035	128.842.329.277	128.705.817.681
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (ii)	2035	77.826.536.826	77.744.077.688
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 (ii)	2035	72.757.931.393	72.680.842.708
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 1 (ii)	2035	57.640.517.695	57.579.446.116
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân – Khoản 2 (iv)	2027	34.942.959.288	46.342.959.288
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (v)	2025	21.600.000.000	43.200.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	-	-	3.200.000.000
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	-	-	89.010.290.454
			-
		1.338.857.792.967	1.485.934.020.078

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay hiện còn số dư như sau:

- (i) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 8,0%/năm áp dụng cho kỳ 6 tháng đầu tiên từ ngày giải ngân đến hết ngày 21 tháng 6 năm 2023. Sau thời điểm này, khoản cho vay này hưởng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam áp dụng cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (ii) Đây là các các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 19(b)(i)). Các khoản cho vay này được tính lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.
- (iii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất theo lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng loại trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam công bố áp dụng đối với các tổ chức, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (iv) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và không hưởng lãi trong năm 2022, từ năm 2023 lãi suất của khoản phải thu về cho vay này được tính theo lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng loại trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố áp dụng đối với các tổ chức, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (v) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 7,0%/năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Cổ tức phải thu	183.077.154.359	262.947.038.459
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (i)	30.215.687.677	30.000.000.000
Tiền lãi cho vay	23.066.079.425	18.955.633.316
Lãi tiền gửi	12.976.570.138	8.218.338.130
Lãi và phí quản lý khoản vay ADB	7.620.107.643	5.856.430.400
Tạm ứng cho công nhân viên	2.886.377.785	1.283.001.143
Phải thu khác liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản nợ ngân hàng của một đơn vị thành viên của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	-	41.455.433.523
Phải thu về nhận bồi thường bảo hiểm	-	30.480.348.882
Phải thu từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	-	22.001.000.000
Phải thu từ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May do thanh toán hộ	-	10.010.904.110
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.017.803.555	1.756.939.918
	<hr/>	
	262.859.780.582	432.965.067.881
	<hr/>	

- (i) Khoản phải thu này bao gồm gốc vay và lãi vay ngân hàng mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thanh toán hộ cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex liên quan đến các hợp đồng vay dài hạn để xây dựng Nhà máy Bạc Liêu, Nhà máy Kiên Giang và Nhà máy Cần Thơ.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	<b>31/12/2023</b>	<b>1/1/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty con</b>		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	40.490.372.894	50.315.496.611
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	37.161.368.704	37.575.512.993
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	30.215.687.677	30.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	6.120.000.000	18.360.000.000
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	3.990.213.670	1.215.365.165
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	17.191.877.370	16.789.604.715
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	-	13.534.841.095
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	11.691.080.861	11.691.080.861
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	56.925.142.030	952.716.549
▪ Các công ty con khác	5.868.552.633	5.926.866.679
<b>Công ty liên kết</b>		
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	10.245.843.000	20.491.686.000
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	10.227.398.000	18.409.316.400
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	33.514.800.000
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	-	24.637.500.000
▪ Công ty Cổ Phần Dệt May Liên Phương	-	22.001.000.000
▪ Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	6.953.392.000	10.430.088.000
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	-	7.923.055.000
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	-	7.560.000.000
▪ Các công ty liên kết khác	3.727.500.000	18.645.155.328
	<hr/>	<hr/>
	240.808.428.839	349.974.085.396
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có điều khoản thanh toán theo yêu cầu.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
<b>Phải thu dài hạn khác từ công ty con</b>		
Phải thu từ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 (i)	170.496.650.079	170.496.650.079
Phải thu dài hạn Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	136.932.000.000	136.932.000.000
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (iii)	22.427.936.180	64.230.543.181
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (Thuyết minh 9(a))	21.041.638.094	40.220.269.071
Phải thu từ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân do điều chuyển tài sản	16.246.475.085	16.246.475.085
Phải thu từ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	13.510.094.763	13.510.094.763
Đặt cọc bảo đảm thực hiện dự án đầu tư Dự án Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam (iv)	5.715.000.000	5.715.000.000
Phải thu từ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	-	19.462.747.660
<b>Phải thu dài hạn khác</b>		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.620.992.879	4.533.252.508
Khác	3.286.359	18.286.359
	390.994.073.439	471.365.318.706

- (i) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH MTV Dệt 8-3. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Công ty TNHH MTV Dệt 8-3 khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.
- (ii) Khoản phải thu này liên quan đến khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài Chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.
- (iii) Phản ánh giá trị ghi sổ của các tài sản thuộc Dự án Nhà máy May Tuyên Quang mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng ghi nhận các khoản vay dài hạn có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này (Thuyết minh 19(b)). Các khoản phải thu và nợ phải trả này sẽ được xử lý khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoàn thành xong các thủ tục bàn giao các khoản nợ phải trả còn lại có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục này vẫn đang được thực hiện.
- (iv) Phản ánh khoản tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam ký quỹ tại tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam nhằm mục đích bảo đảm thực hiện Dự án Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	120.943.246.829	-	45.309.297.871	-
Nguyên vật liệu	31.080.531.286	(1.002.452.675)	83.579.030.691	(10.200.371.911)
Công cụ và dụng cụ	6.441.728.578	-	4.346.489.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.718.366.516	(139.166.980)	17.200.370.977	(521.610.497)
Thành phẩm	95.490.180.628	(25.113.324.386)	192.619.362.939	(43.761.219.554)
Hàng hóa	19.120.950.453	(488.693.024)	3.602.782.534	(613.352.404)
	<b>285.795.004.290</b>	<b>(26.743.637.065)</b>	<b>346.657.334.012</b>	<b>(55.096.554.366)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 1.215 triệu VND nguyên vật liệu, 10.600 triệu VND bán thành phẩm, 83.653 triệu VND thành phẩm và 535 triệu VND hàng hóa (1/1/2023: 77.901 triệu VND nguyên vật liệu, 165.658 triệu VND thành phẩm và 613 triệu hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	482.429.738.596	1.084.216.110.295	38.911.428.602	52.133.959.082	1.657.691.236.575
Tăng trong năm	1.371.851.852	1.871.122.000	-	141.364.927	3.384.338.779
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	507.019.670	-	-	507.019.670
Tài sản nhận điều chuyển từ công ty con (*)	49.273.017.785	-	-	-	49.273.017.785
Tăng khác	2.611.519.043	23.418.510	-	-	2.634.937.553
Thanh lý tài sản nhận điều chuyển (*)	(49.273.017.785)	-	-	-	(49.273.017.785)
Thanh lý tài sản khác	(99.143.997)	(3.812.402.167)	-	(443.966.040)	(4.355.512.204)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>486.313.965.494</b>	<b>1.082.805.268.308</b>	<b>38.911.428.602</b>	<b>51.831.357.969</b>	<b>1.659.862.020.373</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	242.075.304.194	556.070.061.673	25.306.264.448	36.876.164.770	860.327.795.085
Khấu hao trong năm	21.203.113.932	75.144.296.068	3.008.169.826	4.351.488.741	103.707.068.567
Tài sản nhận điều chuyển từ công ty con (*)	32.395.491.840	-	-	-	32.395.491.840
Tăng khác	949.129.255	-	-	-	949.129.255
Thanh lý tài sản nhận điều chuyển (*)	(32.765.482.626)	-	-	-	(32.765.482.626)
Thanh lý tài sản khác	(99.143.997)	(3.812.402.167)	-	(443.966.040)	(4.355.512.204)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>263.758.412.598</b>	<b>627.401.955.574</b>	<b>28.314.434.274</b>	<b>40.783.687.471</b>	<b>960.258.489.917</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	240.354.434.402	528.146.048.622	13.605.164.154	15.257.794.312	797.363.441.490
Số dư cuối năm	222.555.552.896	455.403.312.734	10.596.994.328	11.047.670.498	699.603.530.456





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận tài sản điều chuyển là Nhà máy may Veston Hải Phòng từ một công ty con và đã thanh lý toàn bộ tài sản này cho một bên khác.

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 123.834 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 103.967 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 71.007 triệu VND (1/1/2023: 588.705 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 19(b)).

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	78.833.849.210	2.956.399.301	81.790.248.511
Tăng trong năm	-	115.225.000	115.225.000
Số dư cuối năm	78.833.849.210	3.071.624.301	81.905.473.511
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	21.476.286.160	2.520.105.150	23.996.391.310
Khấu hao trong năm	1.638.730.776	122.457.184	1.761.187.960
Số dư cuối năm	23.115.016.936	2.642.562.334	25.757.579.270
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	57.357.563.050	436.294.151	57.793.857.201
Số dư cuối năm	55.718.832.274	429.061.967	56.147.894.241

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 2.086 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 2.041 triệu VND).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Số dư đầu năm	199.397.851.883	104.028.340.787
Tăng trong năm	75.296.768.505	98.971.212.055
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(507.019.670)	(3.601.700.959)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>274.187.600.718</b>	<b>199.397.851.883</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Dự án Cao ốc Văn phòng – Căn hộ Vinatex Building	231.363.017.151	168.791.088.014
Nhà máy Sợi Nam Định	18.973.452.363	18.973.452.363
Kho nguyên liệu và thành phẩm Nhà máy Sợi Phú Cường	12.387.453.797	-
Nhà máy Liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.516.620.734	5.236.283.563
Các công trình khác	5.947.056.673	6.397.027.943
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>274.187.600.718</b>	<b>199.397.851.883</b>

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đất</b> <b>trả trước</b> <b>VND</b>	<b>Công cụ</b> <b>và dụng cụ</b> <b>VND</b>	<b>Chi phí</b> <b>khác</b> <b>VND</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	39.463.446.395	5.728.830.628	243.357.469	45.435.634.492
Tăng trong năm	-	2.407.250.782	104.091.673	2.511.342.455
Phân bổ trong năm	(1.043.463.876)	(4.179.090.788)	(344.943.827)	(5.567.498.491)
Thanh lý	(4.428.039.226)	-	-	(4.428.039.226)
Phân loại lại	-	443.775.948	(443.775.948)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>33.991.943.293</b>	<b>4.400.766.570</b>	<b>(441.270.633)</b>	<b>37.951.439.230</b>





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
		Đã điều chỉnh lại
<b>Phải trả người bán là các công ty con</b>		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	143.590.666	159.181.030
▪ Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex	176.768.460	239.250.240
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	132.139.504	114.555.180
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	62.714.960	-
<b>Phải trả người bán là các công ty liên kết</b>		
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	16.951.111.930	95.163.545.046
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	9.567.462.483	2.765.274.250
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	409.845.146	606.966.052
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	504.882.351	430.319.036
▪ Công ty Cổ phần May Nam Định	280.658.275	98.088.028
▪ Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú	15.062.035	45.810.228
▪ Công ty Cổ phần May Việt Thắng	44.139.025	-
<b>Phải trả người bán khác</b>		
▪ Otto Stadlander GmbH	23.859.644.761	26.900.328
▪ Ecom Agroindustrial Corp. Ltd,	19.238.037.172	-
▪ Timbro Swiss Ltd.,	16.020.912.917	-
▪ CDI Cotton Distributorn Inc	11.326.553.509	-
▪ Công ty Cổ phần May Tiền Tiến	11.049.690.435	1.855.938.378
▪ Hongkong Natural Resources Trading Co., Ltd.	8.183.955.430	-
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất và Thương mại Tài Nguyên	7.510.982.998	7.510.982.998
▪ Olam Internatinal Limited	-	17.558.003.789
▪ Các nhà cung cấp khác	17.051.376.162	37.537.500.788
	<b>142.529.528.219</b>	<b>164.112.315.371</b>

Khoản phải trả các công ty con và các công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số phát sinh/ đã thu được trong năm VND	31/12/2023 VND
<b>Thuế</b>				
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>204.960.646</b>	-	-	<b>204.960.646</b>
<i>Văn phòng</i>	<i>204.960.646</i>	-	-	<i>204.960.646</i>
<b>Tiền thuê đất, thuế đất</b>	-	<b>2.104.668.503</b>	-	<b>2.104.668.503</b>
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	<i>2.104.668.503</i>	-	<i>2.104.668.503</i>
	204.960.646	2.104.668.503	-	2.309.629.149





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND Đã điều chỉnh lại	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	31/12/2023 VND
<b>Thuế</b>						
<b>Thuế GTGT hàng bán nội địa</b>	<b>4.348.548.200</b>	<b>69.316.391.289</b>	-	<b>(24.517.961.081)</b>	<b>(46.347.237.167)</b>	<b>2.799.741.241</b>
<i>Văn phòng</i>	-	29.084.692.249	-	(1.546.037.406)	(26.461.574.959)	1.077.079.884
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	3.575.494.658	25.837.414.277	-	(20.863.576.681)	(7.066.521.365)	1.482.810.889
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	649.799.341	4.104.260.193	-	-	(4.754.059.534)	-
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	123.254.201	10.290.024.570	-	(2.108.346.994)	(8.065.081.309)	239.850.468
<b>Thuế GTGT hàng nhập khẩu</b>	<b>1.118.170.300</b>	-	<b>850.214.766</b>	<b>(850.214.766)</b>	<b>(1.118.170.300)</b>	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	-	763.130.064	(763.130.064)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	1.118.170.300	-	87.084.702	(87.084.702)	(1.118.170.300)	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	<b>8.179.196.925</b>	<b>(8.179.196.925)</b>	-	-
<i>Văn phòng</i>	-	-	8.179.196.925	(8.179.196.925)	-	-
<b>Các loại thuế khác</b>	<b>475.978.936</b>	-	<b>6.355.149.997</b>	<b>(6.359.613.265)</b>	-	<b>471.515.668</b>
<b>+ Thuế môn bài</b>	-	-	<b>9.000.000</b>	<b>(9.000.000)</b>	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Nhà máy May Quế Sơn</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	-	-	2.000.000	(2.000.000)	-	-
<i>Nhà máy Yarndye</i>	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2023 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	31/12/2023 VND
<b>Đã điều chỉnh lại</b>						
<b>+ Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>475.978.936</b>	-	<b>6.327.487.958</b>	<b>(6.331.951.226)</b>	-	<b>471.515.668</b>
<i>Văn phòng</i>	435.408.074	-	6.065.848.941	(6.052.038.564)	-	449.218.451
<i>Nhà máy Sợi Nam Định</i>	7.283.589	-	118.856.167	(112.592.263)	-	13.547.493
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	8.053.689	-	79.434.167	(81.346.856)	-	6.141.000
<i>Trung tâm Thời trang Vinatex</i>	25.233.584	-	63.348.683	(85.973.543)	-	2.608.724
<b>+ Thuế nhập khẩu</b>	-	-	<b>18.662.039</b>	<b>(18.662.039)</b>	-	-
<i>Nhà máy Sợi Phú Cường</i>	-	-	18.662.039	(18.662.039)	-	-
<b>Các khoản phải nộp khác</b>	<b>7.562.230.189</b>	-	<b>3.582.630.612</b>	<b>(3.582.769.789)</b>	-	<b>7.562.091.012</b>
<b>+ Tiền thuê đất, thuế đất</b>	-	-	<b>3.455.532.375</b>	<b>(3.455.532.375)</b>	-	-
<i>Văn phòng Hà Nội</i>	-	-	3.455.532.375	(3.455.532.375)	-	-
<b>+ Các khoản khác</b>	<b>7.562.230.189</b>	-	<b>127.098.237</b>	<b>(127.237.414)</b>	-	<b>7.562.091.012</b>
<i>Văn phòng Hà Nội (*)</i>	7.562.230.189	-	127.098.237	(127.237.414)	-	7.562.091.012
	13.504.927.625	69.316.391.289	18.967.192.300	(43.489.755.826)	(47.465.407.467)	10.833.347.921

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Các khoản khác bao gồm khoản phải trả liên quan đến phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	1.190.698.513	1.190.698.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội	5.590.422.000	5.590.422.000
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh	780.970.499	780.970.499
	7.562.091.012	7.562.091.012

Trong năm 2024, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nộp đầy đủ các khoản này vào Ngân sách Nhà nước.

**17. Chi phí phải trả**

**(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	2.972.809.633	3.099.030.740
Chi phí phải trả khác	2.923.808.897	4.073.932.537
	5.896.618.530	7.172.963.277
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng	464.849.280	464.849.280
	6.361.467.810	7.637.812.557

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	10.226.684.160	10.691.533.440
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(464.849.280)	(464.849.280)
	9.761.834.880	10.226.684.160

(\*)Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với phần diện tích được sử dụng bởi Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Tài Nguyên trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đến năm 2046.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Các bên khác</b>		
Cổ tức phải trả	471.042.725	409.373.125
Lãi vay phải trả	8.466.481.887	6.914.255.221
Quỹ từ thiện	3.145.248.287	3.145.248.287
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	473.279.376	621.511.953
Phải trả khác liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản nợ ngân hàng của một đơn vị thành viên của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	-	41.455.433.523
Các khoản phải trả khác	13.446.103.309	8.095.685.744
	<b>26.002.155.584</b>	<b>60.641.507.853</b>

Các khoản phải trả ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
<b>Phải trả khác cho các công ty con</b>		
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	8.000.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	18.000.000	-
<b>Phải trả khác cho các công ty liên kết</b>		
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	300.000.000	300.000.000
	<b>8.318.000.000</b>	<b>300.000.000</b>

Khoản phải trả ngắn hạn khác cho các công ty liên quan không có đảm bảo và không tính lãi, có điều khoản thanh toán theo yêu cầu.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá VND	31/12/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND		
Vay ngắn hạn (*)	501.543.869.565	1.196.705.644.647	(1.310.746.960.464)	6.970.793.040	394.473.346.788
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19(b))	110.794.482.734	96.437.403.852	(148.629.314.525)	2.628.521.832	61.231.093.893
	612.338.352.299	1.293.143.048.499	(1.459.376.274.989)	9.599.314.872	455.704.440.681

(\*) Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD	3,50% - 7,27%	277.138.850.472	177.987.865.082
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Mỹ Đình	USD	3,60% - 6,89%	8.562.689.362	77.823.806.928
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	USD	3,80% - 7,71%	2.030.389.911	203.230.211.579
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai	USD	4,50%	-	42.501.985.976
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	VND	4,0%	62.516.412.215	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	VND	4,3 – 7,0%	44.225.004.828	-
			394.473.346.788	501.543.869.565

Các khoản vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm (%)</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>1/1/2023 VND</b>
Ngân hàng Phát triển Châu Á (i)	USD	Thả nổi	2039	1.572.708.003.602	1.566.298.071.700
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (ii)	USD	7,66% - 8,38%	2024	11.477.033.700	26.022.911.250
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm (ii)	VND	7,3% - 9,40%	2024	6.567.862.842	15.324.942.842
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	USD	5,20%	2025	-	55.955.340.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	USD	2,80%	2025	-	21.689.963.698
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình	USD	5,81%	2024	-	48.450.245.306
				<hr/>	<hr/>
				1.590.752.900.144	1.733.741.474.796
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 19(a))				(61.231.093.893)	(110.794.482.734)
				<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.529.521.806.251	1.622.946.992.062
				<hr/>	<hr/>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng:
- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 71.007 triệu VND (1/1/2023: 89.119 triệu VND) (Thuyết minh 11);
  - một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH MTV Dệt 8-3, Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú;
  - các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2023: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với giá trị 110.000 triệu VND) (Thuyết minh 5(a));

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng (trước 1 tháng 6 năm 2022) hoặc Sofr 6 tháng (từ 1 tháng 6 năm 2022) bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%.

Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

- (ii) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Tuyên Quang bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn.

## 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	35.435.330.188	28.990.321.045
Trích lập trong năm (Thuyết minh 21)	9.500.000.000	22.257.000.000
Sử dụng trong năm	(10.624.368.543)	(15.811.990.857)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>34.310.961.645</b>	<b>35.435.330.188</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2022</b>	5.000.000.000.000	30.361.932.352	503.157.559.155	543.092.845.095	6.076.612.336.602
Lợi nhuận thuần trong năm – đã điều chỉnh lại	-	-	259.728.061.992	-	259.728.061.992
Lợi nhuận thuần trong năm – theo báo cáo trước đây	-	-	201.856.138.488	-	201.856.138.488
Điều chỉnh lại (Thuyết minh 40)	-	-	57.871.923.504	-	57.871.923.504
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(22.257.000.000)	-	(22.257.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(350.000.000.000)	-	(350.000.000.000)
Giảm khác	-	-	(11.527.613.551)	-	(11.527.613.551)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2023 – đã điều chỉnh lại</b>	5.000.000.000.000	30.361.932.352	379.101.007.596	543.092.845.095	5.952.555.785.043
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	125.550.876.435	-	125.550.876.435
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(9.500.000.000)	-	(9.500.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(300.000.000.000)	-	(300.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	5.000.000.000.000	30.361.932.352	195.151.884.031	543.092.845.095	5.768.606.661.478



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm**  
**2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	<b>31/12/2023 và 1/1/2023</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<hr/>		
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<hr/>		
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<hr/>		

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	<b>Đã phát hành và đang lưu hành</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH ITOCHU Corporation	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Các cổ đông khác	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%
<hr/>			
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%
<hr/>			



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 30 tháng 5 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 300.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với tỷ lệ 6% trên mệnh giá (2022: cổ tức bằng tiền trị giá 350.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2021, tương ứng với tỷ lệ 7% trên mệnh giá).

**24. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	<b>Tại ngày 31/12/2023 và ngày 1/1/2023 VND</b>
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
	<hr/> <b>543.092.845.095</b> <hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong năm như sau:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	22.214.516.922	24.256.143.942
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(2.041.627.020)	(2.041.627.020)
Số dư cuối năm	20.172.889.902	22.214.516.922

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Trong vòng 1 năm	21.339.474.240	20.096.725.370
Trong vòng 2 đến 5 năm	47.430.403.486	11.422.010.880
Sau 5 năm	51.399.048.960	54.254.551.680
	120.168.926.686	85.773.287.930

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2023</b>		<b>1/1/2023</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	551.578	13.299.858.625	923.459	21.616.332.836
EUR	99.605	2.626.609.339	99.440	2.457.995.258
		15.926.467.964		24.074.328.094

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/12/2023</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2023</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	106.966.664.136	251.216.091.714

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Bán hàng và dịch vụ gia công	1.357.480.030.529	1.316.222.051.239
Cung cấp dịch vụ	70.052.401.573	58.835.124.807
	<hr/> 1.427.532.432.102	<hr/> 1.375.057.176.046

**28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Hàng hoá đã bán và dịch vụ gia công	1.380.835.136.292	1.239.098.943.756
Dịch vụ đã cung cấp	47.212.300.284	47.342.416.052
Hàng tồn kho bị tổn thất do hỏa hoạn	6.145.113.303	55.456.609.826
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(28.352.917.301)	51.331.275.484
	<hr/> 1.405.839.632.578	<hr/> 1.393.229.245.118



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Cổ tức	346.967.723.731	365.188.773.244
Lãi tiền gửi	61.702.302.185	64.367.970.928
Lãi cho vay	103.163.580.280	46.721.954.035
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác	12.577.320.000	37.016.756.789
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.832.584.825	5.313.755.797
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.389.812.227	-
	<hr/> <b>535.633.323.248</b>	<hr/> <b>518.609.210.793</b> <hr/>

**30. Chi phí tài chính**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Chi phí lãi vay	130.496.514.505	65.015.336.595
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	200.760.219.793	(31.411.480.273)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.577.505.262	3.000.028.352
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.003.994.542	36.559.356.246
	<hr/> <b>348.838.234.102</b>	<hr/> <b>73.163.240.920</b> <hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí bán hàng**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	11.702.497.500	12.305.179.852
Chi phí khấu hao và phân bổ	8.956.495.006	12.175.528.381
Cước vận chuyển quốc tế	4.386.859.482	6.524.876.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.771.647.836	4.268.456.010
Các chi phí bán hàng khác	9.308.444.051	11.579.619.396
	<hr/> 37.125.943.875	<hr/> 46.853.659.708

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Chi phí nhân viên	16.128.518.989	45.175.664.728
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.901.996.110	7.335.582.770
Chi phí thuê đất và nhà cửa	18.041.347.867	18.689.289.719
Công tác phí	4.967.089.130	3.824.320.401
Chi phí thuế, phí và lệ phí	144.933.462	593.193.789
Chi phí điện, nước, điện thoại	1.294.723.490	1.030.362.138
Chi phí tư vấn, dịch vụ chuyên môn	3.263.678.242	3.355.070.708
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	24.058.066.999	42.371.578.743
	<hr/> 77.800.354.289	<hr/> 122.375.062.996

**33. Thu nhập khác**

	<b>2023</b> <b>VND</b>	<b>2022</b> <b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản góp vốn dự án hợp tác đầu tư	16.181.818.182	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	29.092.464.841	2.190.093.275
Thu nhập khác	21.063.530	633.008.426
	<hr/> 45.295.346.553	<hr/> 2.823.101.701

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**34. Chi phí khác**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản góp vốn dự án hợp tác đầu tư đã thanh lý	4.428.039.226	-
Chi phí khác	698.824.473	731.458.410
	<hr/>	
	5.126.863.699	731.458.410
	<hr/>	

**35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	527.832.562.660	644.625.997.829
Chi phí nhân viên	73.222.357.836	106.852.403.377
Chi phí khấu hao và phân bổ	104.470.093.383	109.567.152.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.604.410.139	126.950.801.322
Chi phí khác	37.885.291.657	63.532.583.058
	<hr/>	



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**36. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	8.179.196.925	408.759.396

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2023 VND	2022 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	133.730.073.360	260.136.821.388
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	26.746.014.672	52.027.364.278
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	1.729.926.755	1.500.079.934
Giá trị thuế của thu nhập không bị tính thuế	(69.393.544.746)	(73.037.754.649)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận cho lỗ năm hiện hành	47.720.589.062	27.798.447.508
Biến động chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	1.376.211.182	(7.879.377.675)
	8.179.196.925	408.759.396

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời	2.490.279.485	498.055.897	(4.390.776.425)	(878.155.285)
Lỗi tính thuế	384.174.518.005	76.834.903.601	145.571.572.694	29.114.314.539
	<b>386.664.797.490</b>	<b>77.332.959.498</b>	<b>141.180.796.269</b>	<b>28.236.159.254</b>

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2025	Đã quyết toán	6.579.335.154
2027	Chưa quyết toán	138.992.237.540
2028	Chưa quyết toán	238.602.945.311
		<b>384.174.518.005</b>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**37. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư**

	2023 VND	2022 VND
Bù trừ khoản phải trả liên quan đến nhận chuyển nhượng tài sản với phải thu khác	16.877.525.945	-
Chuyển khoản phải thu ngắn hạn khác sang phải thu về cho vay dài hạn	-	47.342.959.288

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**38. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc**

STT	Đơn vị	Tổng doanh thu 2023 VND	Chi tiết doanh thu			Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN 2023 VND
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 2023 VND	Doanh thu hoạt động tài chính 2023 VND	Thu nhập khác 2023 VND	
1	Văn phòng Công ty mẹ	1.265.663.770.219	690.720.190.788	529.649.768.913	45.293.810.518	210.724.198.258
2	<b>Các đơn vị phụ thuộc</b>					
	Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh	667.397	-	667.397	-	545.913
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	406.717.920.258	405.914.237.245	803.683.013	-	(56.694.911.013)
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	302.652.915.739	297.579.158.256	5.073.757.483	-	(34.824.576.377)
	Trung tâm Thời trang Vinatex	33.423.142.660	33.318.845.813	102.760.812	1.536.035	6.349.036.040
	Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	2.293.868	-	2.293.868	-	(828.148)
	Nhà máy May Quế Sơn	391.762	-	391.762	-	(2.588.238)
3	<b>Tổng cộng</b>	2.008.461.101.903	1.427.532.432.102	535.633.323.248	45.295.346.553	125.550.876.435



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***39. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Nhà đầu tư</b>		
<b>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH</b>		
Cổ tức đã chia	160.462.860.000	187.206.670.000
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Dệt 8-3</b>		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	217.365.564.832	165.745.884.683
Mua hàng hóa	-	40.000.000
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	1.808.118.158	1.650.172.658
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”)	5.192.299.636	2.292.866.730
Cho vay	-	12.000.000.000
Thu hồi gốc cho vay	-	47.000.000.000
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	1.504.022.838	274.385.230
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng</b>		
Doanh thu cho thuê tài sản	25.733.404.622	23.264.510.076
Thu nhập tiền lãi trả chậm	77.556.889	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.909.091	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</b>		
Cổ tức	129.932.864.500	-
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	979.632.081	828.449.130
Mua hàng hóa	2.004.546	1.972.723
Doanh thu cho thuê tài sản	15.285.105.280	16.011.909.676
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	5.101.715.264	4.546.716.384
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	14.617.579.970	6.454.974.769
Doanh thu bán tài sản	-	32.600.000.000
<b>Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May</b>		
Cho vay	6.500.000.000	23.500.000.000
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	1.485.078.410	403.936.985
Thu hồi gốc vay	112.510.290.454	-
Nhận tiền bảo lãnh ứng trước	8.000.000.000	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	492.083.000	303.810.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	298.860.606	160.000.000
Cổ tức	132.801.225.800	147.764.744.200
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	12.655.168.729	11.569.594.977
Lãi và phí cho khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	36.299.798.884	16.373.989.555
Doanh thu bán tài sản	-	100.000.000
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	85.000.000
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	5.173.620.179	4.718.172.825
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	14.845.818.648	6.555.764.656
Cho vay	10.000.000.000	-
Thu hồi gốc vay	10.000.000.000	-
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	414.027.397	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định</b>		
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	4.549.957.195	4.549.957.195
Doanh thu bán hàng hóa	16.397.649.299	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.909.091	45.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	16.613.760.299	253.185.000
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	3.208.739.710	2.922.184.335
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	9.194.707.732	4.060.289.196
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</b>		
Cổ tức	5.115.313.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	134.531.795
Mua cổ phần	48.999.300.000	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Cổ tức	36.690.366.000	37.060.976.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	146.155.828	325.261.766
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	1.935.519.047	1.765.130.235
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	5.554.015.135	2.452.596.351
Cho vay	-	69.600.000.000
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	4.202.727.672	152.547.945
Thu hồi gốc cho vay	23.200.000.000	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2023</b>	<b>2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương</b>		
Doanh thu cho thuê	8.340.129.938	-
Thu hồi gốc cho vay	-	3.200.000.000
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	-	408.109.589
<b>Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex</b>		
Thu hồi gốc cho vay đã trả hộ	20.000.000.000	10.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	179.753.424
<b>Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex</b>		
Nhận điều chuyển tài sản	16.877.525.945	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	50.000.000
Thu hồi gốc cho vay dự án May Tuyên Quang	24.053.362.464	35.204.940.840
<b>Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	31.128.389.315	15.819.169.874
Doanh thu cung cấp dịch vụ	368.702.566	489.807.347
Thu nhập tiền lãi từ cho vay, trả chậm	2.775.311.429	-
Thu hồi gốc cho vay	1.000.000.000	-
Thu hồi gốc cho vay nguồn vốn vay ADB	1.432.579.006	1.309.160.643
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	4.113.459.675	1.816.461.258
Chuyển khoản phải thu ngắn hạn khác sang phải thu về cho vay dài hạn	-	47.342.959.288
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối</b>		
Cổ tức	6.120.000.000	30.600.000.000
Doanh thu cho thuê	9.352.977.500	9.380.471.250
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex</b>		
Cổ tức	-	3.727.500.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.176.222.000	1.046.332.800
Mua cổ phần	1.335.000.000	-
<b>Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP</b>		
Cổ tức	-	24.637.500.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.957.575	-





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Tổng Công ty May 10 – CTCP</b>		
Cổ tức	10.227.398.000	18.409.316.400
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.045.348.729	986.324.022
Mua hàng hóa	16.213.824.683	8.644.321.836
<b>Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai</b>		
Mua hàng hóa	-	30.445.455
Cổ tức	-	5.621.616.000
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	873.215.691	1.079.827.267
Mua hàng hóa	220.222.158	149.444.440
<b>Công ty Cổ phần May Hữu Nghị</b>		
Cổ tức	-	11.473.096.800
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Cổ tức	-	2.381.400.000
Cung cấp dịch vụ	559.308.966	557.862.470
Mua hàng hóa	37.037.037	-
<b>Công ty Cổ phần May Chiến Thắng (đến ngày 1 tháng 4 năm 2022)</b>		
Cổ tức	-	612.000.000
<b>Công ty Cổ phần May Đáp Cầu</b>		
Cổ tức	-	3.281.460.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	70.000.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam</b>		
Thu hồi gốc cho vay	-	20.000.000.000
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	-	784.109.588
<b>Tổng Công ty Đức Giang – CTCP</b>		
Cổ tức	-	7.923.055.000
Mua hàng hóa	126.144.985.757	128.936.311.070
<b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiên</b>		
Cổ tức	-	33.514.800.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.857.834.407	3.648.707.903
Mua hàng hóa	462.000.000	4.940.907



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<b>Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP</b>		
Cổ tức	10.245.843.000	26.183.821.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	100.000.000	100.000.000
<b>Công ty Cổ phần May Nam Định</b>		
Cổ tức	-	2.700.000.000
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	353.875.102	25.550.000
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Cổ tức	2.520.000.000	7.560.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.068.871.750	2.655.968.897
Mua hàng hóa	-	169.217.130
<b>Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng</b>		
Cổ tức	-	1.800.000.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.254.173.793	647.163.614
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.474.530	580.573.070
<b>Công ty Cổ phần May Nam Định</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	353.875.102	-
<b>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt</b>		
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	805.000.000	1.516.284.000
Ông Trần Quang Nghị – Phó Chủ tịch	161.000.000	224.000.000
Ông Cao Hữu Hiếu – Ủy viên	761.000.000	1.408.772.000
Ông Đặng Vũ Hùng – Ủy viên	107.000.000	148.000.000
Ông Vũ Hồng Tuấn – Ủy viên	144.000.000	528.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đông – Ủy viên	107.000.000	148.000.000
<b>Cơ quan Tổng Giám đốc</b>		
Những người quản lý khác	4.812.000.000	5.602.723.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Các thành viên Ban kiểm soát	1.118.000.000	1.144.242.000





## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### 40. Thông tin so sánh

Trong năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính riêng liên quan đến năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước được công bố trong Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước năm 2022 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam ngày 25 tháng 1 năm 2024. Các điều chỉnh này như sau:

- (i) Điều chỉnh giảm Dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp cho năm kết thúc cùng ngày với số tiền là 41.455 triệu VND liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đối với khoản nợ ngân hàng của một đơn vị thành viên của Tập đoàn.

Việc điều chỉnh giảm dự phòng phải trả ngắn hạn là do trong năm 2023, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện thanh toán cho ngân hàng tương ứng với nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản nợ của đơn vị thành viên, đồng thời đã thu hồi được khoản này từ các bên có nghĩa vụ liên đới.

Tuy nhiên, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn Dệt May Việt Nam chỉ có thông tin để có thể ước tính được một cách đáng tin cậy khoản phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản nợ ngân hàng của đơn vị thành viên mà chưa có thông tin chắc chắn về việc liệu có thể thu hồi được khoản này từ một bên khác hay không. Do vậy, Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May đánh giá việc trích lập khoản dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn là phù hợp dựa trên các thông tin sẵn có tại thời điểm đó.

Nếu khoản dự phòng phải trả này được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, chi phí quản lý phí quản lý doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 sẽ giảm tương ứng với khoản hoàn nhập khoản dự phòng trong năm 2023 là 41.455 triệu VND.

- (ii) Điều chỉnh tăng khoản Phải thu ngắn hạn khác và khoản Phải trả ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền là 41.455 triệu VND liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đối với khoản nợ ngân hàng của một đơn vị thành viên của Tập đoàn nói trên.
- (iii) Điều chỉnh giảm Thuế GTGT được khấu trừ và giảm Phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền là 394 triệu VND do điều chỉnh lại giá trị quyết toán dự án.
- (iv) Điều chỉnh giảm Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và giảm Chi phí hoạt động tài chính cho năm kết thúc cùng ngày với số tiền là 16.075 triệu VND.
- (v) Điều chỉnh giảm Xây dựng cơ bản dở dang và giảm Phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với số tiền là 259 triệu VND do điều chỉnh lại giá trị quyết toán dự án.
- (vi) Điều chỉnh giảm Phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tăng Thu nhập khác cho năm kết thúc cùng ngày với số tiền là 342 triệu VND đối với các khoản phải trả đã quá hạn thanh toán và không có đối chiếu công nợ.
- (vii) Điều chỉnh tăng Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và giảm Phải trả ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền là 7.562 triệu VND liên quan đến phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường thực hiện nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN.

120  
ÔNG  
I NHỊ  
KPT  
LIÊN



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (viii) Điều chỉnh tăng Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và giảm Phải trả ngắn hạn khác với số tiền là 46 triệu VND do tính toán lại thuế thu nhập cá nhân của người lao động.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại, như sau:

**(a) Bảng cân đối kế toán riêng**

	1/1/2023	1/1/2023	1/1/2023
	Theo báo cáo	Điều chỉnh	Đã điều chỉnh lại
	trước đây	của Kiểm toán	Đã điều chỉnh lại
	VND	Nhà nước	VND
	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	391.509.634.358	41.455.433.523	432.965.067.881
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	15.392.709.058	(393.459.266)	14.999.249.792
Xây dựng cơ bản dở dang	199.656.844.545	(258.992.662)	199.397.851.883
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(194.944.004.113)	16.074.846.523	(178.869.157.590)
Phải trả người bán ngắn hạn	165.106.410.757	(994.095.386)	164.112.315.371
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.896.701.106	7.608.226.519	13.504.927.625
Phải trả ngắn hạn khác	26.794.300.849	33.847.207.004	60.641.507.853
Dự phòng phải trả ngắn hạn	41.455.433.523	(41.455.433.523)	-
LNST chưa phân phối	321.229.084.092	57.871.923.504	379.101.007.596

**(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	2022	2022	2022
	Theo báo cáo	Điều chỉnh	Đã điều chỉnh lại
	trước đây	của Kiểm toán	Đã điều chỉnh lại
	VND	Nhà nước	VND
	VND	VND	VND
Chi phí tài chính	89.238.087.443	(16.074.846.523)	73.163.240.920
Chi phí quản lý doanh nghiệp	163.830.496.519	(41.455.433.523)	122.375.062.996
Thu nhập khác	2.481.458.243	341.643.458	2.823.101.701
Lợi nhuận kế toán trước thuế	202.264.897.884	57.871.923.504	260.136.821.388
Lợi nhuận sau thuế TNDN	201.856.138.488	57.871.923.504	259.728.061.992

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng**

	<b>2022</b>	<b>2022</b>	<b>2022</b>
	<b>Theo báo cáo trước đây VND</b>	<b>Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước VND</b>	<b>Đã điều chỉnh lại VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	202.264.897.884	57.871.923.504	260.136.821.388
Các khoản dự phòng	77.450.075.257	(57.530.280.046)	19.919.795.211
Biến động các khoản phải thu	(46.971.497.562)	-	(46.971.497.562)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	(74.557.734.233)	(341.643.458)	(74.899.377.691)

Ngoại trừ các trường hợp được điều chỉnh lại nêu trên, các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Thị Nga  
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách  
Kế toán trưởng



Số: 145/TĐDMVN-TCKT  
V/v: Giải trình chênh lệch LNST  
trên BCTC kiểm toán năm 2023

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tập đoàn Dệt may Việt Nam giải trình một số vấn đề trong Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG như sau:

**1. Lợi nhuận sau thuế trên BCTC kiểm toán năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 chênh lệch trên 10%**

**Báo cáo tài chính Công ty mẹ:**

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023: 125.550.876.435 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022: 259.728.061.992 đồng

Chênh lệch giảm: 134.177.185.557 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 51,66% so với cùng kỳ năm trước.

**Báo cáo tài chính Hợp nhất:**

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2023: 395.883.747.325 đồng

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022: 1.055.515.851.561 đồng

Chênh lệch giảm: 659.632.104.236 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 62,49% so với cùng kỳ năm trước.

**Nguyên nhân chính:**

- Về kết quả Hợp nhất:

Tiếp nối những khó khăn của thị trường từ cuối năm 2022, sang đầu năm 2023, các doanh nghiệp của Tập đoàn tiếp tục phải đối mặt với việc thiếu hụt đơn hàng cả về số lượng và đơn giá do cầu thấp. Đơn hàng thiếu hụt, người lao động thiếu việc làm. Để đảm bảo duy trì việc làm cho người lao động, các doanh nghiệp của Tập đoàn buộc phải nhận những đơn hàng giá thấp song vẫn cố gắng đảm bảo mức lương cho người lao động bình quân trên 8 triệu đồng/người/tháng (trong khi với mức giá của các đơn hàng nhận được thì mức lương bình quân chỉ đạt dưới 6 triệu đồng/người/tháng). Điều này làm ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn đặc biệt đối với ngành Dệt may là ngành có số lượng lao động rất lớn.



- Về kết quả Công ty mẹ:

Kết quả công ty mẹ năm 2023 giảm mạnh so với cùng kỳ, chủ yếu do việc trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư đối với các đơn vị thành viên. Trước những ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường, chính sách việc làm và thu nhập nêu trên, các đơn vị thành viên của Tập đoàn đều có kết quả sản xuất kinh doanh thấp. Trong năm 2023, Công ty mẹ Tập đoàn phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính 200 tỷ đồng làm lợi nhuận giảm mạnh (cùng kỳ năm trước Công ty mẹ trích lập dự phòng 20 tỷ đồng).

## **2. Kết quả kinh doanh lũy kế trên BCTC hợp nhất quý 4/2023 đã công bố chênh lệch trên 5% so với BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2023**

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN lũy kế trên BCTC hợp nhất quý 4/2023: 333.412.932.870 đồng.

+ Lợi nhuận sau thuế TNDN trên BCTC kiểm toán năm 2023: 395.883.747.325 đồng.

⇒ Chênh lệch tăng 62.470.814.455 đồng, tương đương tỷ lệ tăng 18,74% so với số đã công bố.

### **Nguyên nhân chính:**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam hiện có 33 công ty con, 32 công ty liên kết và rất nhiều các khoản đầu tư tài chính khác. BCTC hợp nhất năm 2023 của Tập đoàn được lập trên cơ sở BCTC của các công ty con, công ty liên kết. Khi kiểm toán BCTC hợp nhất của Tập đoàn, đơn vị kiểm toán đã điều chỉnh số liệu theo BCTC sau kiểm toán của các công ty con, công ty liên kết. Sự chênh lệch kết quả kinh doanh giữa BCTC trước và sau khi kiểm toán của số lượng lớn các công ty con, công ty liên kết đã làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh hợp nhất sau kiểm toán của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.



**Cao Hữu Hiếu**